

Số: 1179 /QĐ-UBND

An Giang, ngày 28 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển trong kỳ thi tuyển
công chức tỉnh An Giang năm 2017**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Kế hoạch số 471/KH-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh về tuyển dụng công chức tỉnh An Giang năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền tuyển dụng, sử dụng, quản lý và thực hiện chế độ tiền lương đối với công chức trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi tuyển công chức tỉnh An Giang năm 2017 tại Tờ trình số 20/TTr-HĐTT ngày 18 tháng 5 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 82 thí sinh trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức tỉnh An Giang năm 2017 (đính kèm Danh sách).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ thông báo kết quả trúng tuyển đến các Sở, ban ngành thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố và thí sinh biết. Đồng thời, hướng dẫn các thí sinh trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ và ban hành quyết định tuyển dụng theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên trong danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng Thi tuyển công chức;
- Sở Nội vụ (3b);
- Lưu: HC-TC, TH.



CHỦ TỊCH

Vương Bình Thạnh

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
TRONG KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỈNH AN GIANG NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh An Giang)

TT	SỐ BÁO DANH	Họ	Tên	Ngày sinh	Đăng ký dự tuyển và trúng tuyển			Kết quả điểm						Điểm cộng ưu tiên
					Vị trí việc làm	Phòng đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Cơ quan đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Tổng số điểm (cột 10+11+15)	Kiến thức chung (h.số 1)	Viết chuyên ngành (h.số 2)	Trắc nghiệm CN (h.số 1)	Ngoại ngữ	Tin học	
1	2	3	4	5	6	7	8	9,00	10,00	11,00	12	13	14	15
1	AG0223	Thái Ngọc	Trần	01/01/1989	Hành chính tổng hợp	Văn phòng	Ban Dân tộc	267,00	72,00	65,00	65,00	62,50	90,00	
2	AG0159	Đặng Thị Xuân	Hoa	04/03/1993	Quản trị công sở, kiểm kê toán	Văn phòng	Ban Dân tộc	253,00	68,00	65,00	55,00	80,00	90,00	
3	AG0127	Phạm Quốc	Hoàng	04/11/1990	Quản lý vận tải	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Sở Giao thông vận tải	332,00	80,00	81,00	90,00	50,00	57,50	
4	AG0284	Nguyễn Tấn	Phúc	01/01/1992	Phụ trách tổng hợp kế hoạch KT - XH	Phòng Tổng hợp, quy hoạch	Sở Kế hoạch và Đầu tư	327,00	81,00	78,00	90,00	Miễn	87,50	
5	AG0307	Nguyễn Hoàng Nhựt	Linh	19/10/1992	Quản lý khoa học	Phòng Quản lý khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	257,00	88,00	52,00	65,00	55,00	82,50	
6	AG0793	Nguyễn Trương Bảo	Anh	25/02/1985	Thanh tra	Thanh tra	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	292,50	64,00	68,00	92,50	50,00	60,00	

TT	SỐ BÁO DANH	Họ	Tên	Ngày sinh	Đăng ký dự tuyển và trúng tuyển			Kết quả điểm						Điểm cộng ưu tiên
					Vị trí việc làm	Phòng đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Cơ quan đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Tổng số điểm (cột 10+11+15)	Kiến thức chung (h.số 1)	Viết chuyên ngành (h.số 2)	Trắc nghiệm CN (h.số 1)	Ngoại ngữ	Tin học	
1	2	3	4	5	6	7	8	9,00	10,00	11,00	12	13	14	15
7	AG0008	Nguyễn Hoài	Giang	29/08/1986	Công nghệ thông tin	Văn phòng	Sở Ngoại vụ	264,50	72,00	55,00	62,50	80,00	Miễn	20,00
8	AG0451	Nguyễn Thị	Linh	16/09/1992	Tổ chức nhân sự, Thi đua Khen thưởng	Văn phòng	Sở Tư pháp	277,50	86,00	57,00	77,50	62,50	82,50	
9	AG0031	Nông Thị	Nhung	03/03/1988	Thông tin cơ sở	Phòng Thông tin, Báo chí - Xuất bản	Sở Thông tin và Truyền thông	376,00	94,00	86,00	90,00	60,00	85,00	20
10	AG0246	Phan Lê Hải	Yến	17/11/1985	Hành chính tổng hợp	Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	278,50	71,00	65,00	77,50	55,00	75,00	
11	AG1005	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	10/12/1987	Quản lý văn hóa	Phòng Quản lý Văn hoá	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	247,00	61,00	68,00	50,00	52,50	85,00	
12	AG1013	Võ Thị Hồng	Nhi	12/06/1984	Quản lý văn hóa	Phòng Quản lý Văn hoá	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	229,00	70,00	52,00	55,00	65,00	82,50	
13	AG0897	Trương Thị Hồng	Thắm	10/07/1986	Thanh tra Phòng chống tham nhũng	Phòng Thanh tra phòng chống tham nhũng	Thanh tra tỉnh	288,00	63,00	75,00	75,00	57,50	85,00	
14	AG0904	Huỳnh Ngọc Phương	Thảo	26/02/1992	Thanh tra Kinh tế - xã hội	Phòng Thanh tra Nội chính - Văn xã	Thanh tra tỉnh	346,00	97,00	82,00	85,00	85,00	87,50	
15	AG0906	Huỳnh Kim	Thía	10/06/1986	Thanh tra Kinh tế - Xã hội	Phòng Thanh tra Kinh tế	Thanh tra tỉnh	274,50	57,00	70,00	77,50	82,50	87,50	

TT	SỐ BÁO DANH	Họ	Tên	Ngày sinh	Đăng ký dự tuyển và trúng tuyển			Kết quả điểm						Điểm cộng ưu tiên
					Vị trí việc làm	Phòng đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Cơ quan đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Tổng số điểm (cột 10+11+15)	Kiểm thức chung (h.số 1)	Viết chuyên ngành (h.số 2)	Trắc nghiệm CN (h.số 1)	Ngoại ngữ	Tin học	
1	2	3	4	5	6	7	8	9,00	10,00	11,00	12	13	14	15
16	AG0641	Võ Thanh	Tân	06/08/1987	Kế toán	Văn phòng	Văn phòng Ban An toàn giao thông	369,00	93,00	93,00	90,00	90,00	75,00	
17	AG0860	Trần Thanh	Minh	18/02/1989	Tiếp công dân, xử lý đơn thư	Ban tiếp công dân	Văn phòng UBND tỉnh	328,00	81,00	76,00	95,00	50,00	77,50	
18	AG0187	Huỳnh Thị Kiều	My	19/02/1991	Hành chính tổng hợp	Phòng Kế hoạch - Tổng hợp	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	290,50	69,00	72,00	77,50	90,00	85,00	
19	AG0193	Bùi Minh	Nhật	28/12/1990	Hành chính tổng hợp	Phòng Kế hoạch - Tổng hợp	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	229,00	64,00	50,00	65,00	80,00	72,50	
20	AG0359	Hồ Ngọc Đan	Thanh	15/10/1990	Quản lý về lao động	Phòng Quản lý Doanh nghiệp	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	296,50	72,00	68,50	87,50	52,50	67,50	
21	AG0876	Dương Thanh	Phong	01/10/1995	Thanh tra	Văn phòng	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	354,50	92,00	85,00	92,50	70,00	90,00	
22	AG1086	Nguyễn Văn	Nghĩa	12/05/1977	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	364,00	94,00	90,00	90,00	50,00	80,00	
23	AG1092	Tổng Minh	Phú	03/08/1986	Quản lý quy hoạch và xây dựng	Phòng Quản lý quy hoạch và xây dựng	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	267,50	64,00	68,00	67,50	62,50	80,00	
24	AG0106	Cao Ngọc	Điệp	10/08/1985	Quản lý công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Phòng Dân số- Kế hoạch hoá gia đình	Chi cục Dân số - KHHGD	229,00	52,00	53,50	70,00	80,00	87,50	

TT	SỐ BÁO DANH	Họ	Tên	Ngày sinh	Đăng ký dự tuyển và trúng tuyển			Kết quả điểm						Điểm cộng ưu tiên
					Vị trí việc làm	Phòng đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Cơ quan đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Tổng số điểm (cột 10+11+15)	Kiểm thức chung (h.số 1)	Viết chuyên ngành (h.số 2)	Trắc nghiệm CN (h.số 1)	Ngoại ngữ	Tin học	
1	2	3	4	5	6	7	8	9,00	10,00	11,00	12	13	14	15
25	AG1127	Nguyễn Xuân	Hùng	19/06/1991	Công tác hành chính, Văn thư lưu trữ	Phòng Tổ chức- Hành chính- Kế hoạch & Tài vụ	Chi cục Dân số - KHHGĐ	278,00	80,00	55,00	88,00	92,00	88,00	
26	AG0239	Đình Hữu	Việt	24/12/1991	Hành chính tổng hợp	Phòng Tổ chức tuyên truyền và xây dựng lực lượng	Chi cục Kiểm lâm	242,00	50,00	61,00	70,00	87,50	87,50	
27	AG1044	Lê Minh	Toàn	09/08/1989	Văn thư, lưu trữ	Phòng Hành chính tổng hợp	Chi cục Văn thư lưu trữ	309,50	85,00	71,00	82,50	67,50	90,00	
28	AG0012	Nguyễn Chí	Hải	28/07/1987	Công nghệ thông tin	Văn phòng HĐND và UBND	Huyện An Phú	351,50	92,00	86,00	87,50	82,50	Miễn	
29	AG0476	Đỗ Út	Phương	15/11/1990	Quản lý công tác tôn giáo, Thanh niên	Phòng Nội vụ	Huyện An Phú	257,50	60,00	70,00	57,50	57,50	85,00	
30	AG0555	Nguyễn Thị Thuý	Vinh	03/05/1993	Chuyên viên theo dõi nông nghiệp	Văn phòng HĐND và UBND	Huyện An Phú	273,00	74,00	62,00	75,00	75,00	87,50	
31	AG0747	Vưu Diễm	Phúc	07/12/1987	Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Huyện An Phú	251,00	62,00	67,00	55,00	60,00	80,00	
32	AG1046	Nguyễn Bảo	Trung	02/10/1987	Văn thư - lưu trữ	Văn phòng HĐND và UBND	Huyện An Phú	316,00	94,00	66,00	90,00	50,00	70,00	
33	AG1070	Lê Điền	Khang	03/12/1993	Thẩm định báo cáo Kinh tế kỹ thuật ĐTXD công trình	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Huyện An Phú	351,50	89,00	95,00	72,50	72,50	90,00	

TT	SỐ BÁO DANH	Họ	Tên	Ngày sinh	Đăng ký dự tuyển và trúng tuyển			Kết quả điểm						Điểm cộng ưu tiên
					Vị trí việc làm	Phòng đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Cơ quan đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Tổng số điểm (cột 10+11+15)	Kiểm thức chung (h.số 1)	Viết chuyên ngành (h.số 2)	Trắc nghiệm CN (h.số 1)	Ngoại ngữ	Tin học	
1	2	3	4	5	6	7	8	9,00	10,00	11,00	12	13	14	15
34	AG0113	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	1990	Tuyên truyền chính sách dân tộc	Phòng Dân tộc	Huyện An Phú	215,00	58,00	51,00	55,00	67,50	87,50	
35	AG0877	Lê Trần	Phú	05/12/1995	Giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra	Huyện Châu Phú	299,00	85,00	67,00	80,00	77,50	85,00	
36	AG0930	Nguyễn Thị Bé	Tý	15/01/1984	Giải quyết khiếu nại tố cáo	Văn phòng HĐND và UBND	Huyện Châu Phú	250,50	78,00	50,00	72,50	80,00	87,50	
37	AG1051	Bùi Minh	Chánh	14/08/1995	Quản lý xây dựng (Theo dõi xây dựng nông thôn mới)	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Huyện Châu Phú	263,50	66,00	65,00	67,50	77,50	77,50	
38	AG0774	Trần Vĩnh	Trung	15/11/1990	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực môi trường, nông thôn mới	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Huyện Châu Thành	330,00	83,00	91,00	65,00	62,50	85,00	
39	AG1062	Lê Trường	Giang	05/09/1985	Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Huyện Châu Thành	296,00	86,00	60,00	90,00	55,00	57,50	
40	AG1110	Ngô Quan	Tùng	02/10/1985	Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Huyện Châu Thành	266,00	81,00	50,00	85,00	70,00	87,50	
41	AG0074	Nguyễn Thị	Lý	14/05/1985	An toàn vệ sinh thực phẩm	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Huyện Chợ Mới	320,50	74,00	82,00	82,50	65,00	85,00	
42	AG1102	Nguyễn Vĩnh	Thịnh	19/04/1983	Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Huyện Chợ Mới	334,00	71,00	84,00	95,00	62,50	85,00	

TT	SỐ BÁO DANH	Họ	Tên	Ngày sinh	Đăng ký dự tuyển và trúng tuyển			Kết quả điểm						Điểm cộng ưu tiên
					Vị trí việc làm	Phòng đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Cơ quan đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Tổng số điểm (cột 10+11+15)	Kiểm thức chung (h.số 1)	Viết chuyên ngành (h.số 2)	Trắc nghiệm CN (h.số 1)	Ngoại ngữ	Tin học	
1	2	3	4	5	6	7	8	9,00	10,00	11,00	12	13	14	15
43	AG0132	Nguyễn Giang	Sang	05/05/1984	Quản lý giao thông vận tải	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Huyện Phú Tân	352,50	92,00	84,00	92,50	52,50	87,50	
44	AG0135	Lương Thu	Tâm	21/07/1990	Quản lý giao thông vận tải	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Huyện Phú Tân	211,50	57,00	51,00	52,50	70,00	82,50	
45	AG0447	Lê Thị	Liễu	12/11/1986	Quản lý thi đua khen thưởng	Phòng Nội vụ	Huyện Phú Tân	274,00	78,00	53,00	90,00	67,50	Miễn	
46	AG0477	Phan Phú	Quý	19/07/1986	Quản lý chính quyền địa phương và công tác thanh niên	Phòng Nội vụ	Huyện Phú Tân	340,50	82,00	83,00	92,50	50,00	80,00	
47	AG0494	Trần Tài	Tiến	06/9/1995	Quản lý tôn giáo	Phòng Nội vụ	Huyện Phú Tân	263,50	78,00	64,00	57,50	52,50	80,00	
48	AG0403	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	25/10/1987	Quản lý tổ chức - biên chế và hội	Phòng Nội vụ	Huyện Phú Tân	360,00	90,00	90,00	90,00	70,00	80,00	
49	AG0614	Trần Trí	Nhờ	30/10/1992	Quản lý Tài chính ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Huyện Phú Tân	246,50	64,00	65,00	52,50	57,50	87,50	
50	AG0672	Lại Văn	Trung	24/12/1989	Quản lý Tài chính ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Huyện Phú Tân	226,50	50,00	57,00	62,50	57,50	75,00	
51	AG0851	Nguyễn Hữu	Lợi	1986	Thanh tra kinh tế - xã hội	Thanh tra	Huyện Phú Tân	300,00	85,00	70,00	75,00	55,00	87,50	

TT	SỐ BÁO DANH	Họ	Tên	Ngày sinh	Đăng ký dự tuyển và trúng tuyển			Kết quả điểm						Điểm cộng ưu tiên
					Vị trí việc làm	Phòng đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Cơ quan đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Tổng số điểm (cột 10+11+15)	Kiểm thức chung (h.số 1)	Viết chuyên ngành (h.số 2)	Trắc nghiệm CN (h.số 1)	Ngoại ngữ	Tin học	
1	2	3	4	5	6	7	8	9,00	10,00	11,00	12	13	14	15
52	AG0983	Lê Thị Cẩm	Thi	10/06/1994	Hành chính tư pháp	Phòng Tư pháp	Huyện Phú Tân	340,00	80,00	90,00	80,00	67,50	90,00	
53	AG0061	Liêu Huỳnh Mỹ	Duyên	22/10/1992	Quản lý thương mại	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Huyện Tịnh Biên	267,50	65,00	70,00	62,50	72,50	85,00	
54	AG0171	Lê Văn	Lâm	31/12/1978	Hành chính tổng hợp	Văn phòng HĐND và UBND	Huyện Tịnh Biên	286,00	76,00	60,00	70,00	67,50	87,50	20
55	AG0173	Ngô Thị Trúc	Linh	25/07/1990	Hành chính tổng hợp	Văn phòng HĐND và UBND	Huyện Tịnh Biên	349,50	81,00	88,00	92,50	57,50	87,50	
56	AG0227	Trần Lâm	Trúc	23/06/1994	Hành chính tổng hợp	Văn phòng HĐND và UBND	Huyện Tịnh Biên	256,50	90,00	52,00	62,50	82,50	90,00	
57	AG0238	Trần Quốc	Việt	24/10/1992	Hành chính tổng hợp	Văn phòng HĐND và UBND	Huyện Tịnh Biên	268,00	74,00	62,00	70,00	70,00	60,00	
58	AG0383	Lê Phúc	Khương	11/06/1993	Công tác biên giới	Văn phòng HĐND và UBND	Huyện Tịnh Biên	284,50	75,00	66,00	77,50	62,50	82,50	
59	AG0597	Nguyễn Văn	Luân	1985	Quản lý tài chính ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Huyện Tịnh Biên	353,00	93,00	85,00	90,00	50,00	80,00	
60	AG0801	Dương Ngọc	Diễm	04/09/1988	Thanh tra phòng, chống tham nhũng	Thanh tra	Huyện Tịnh Biên	262,00	68,00	62,00	70,00	52,50	82,50	

TT	SỐ BÁO DANH	Họ	Tên	Ngày sinh	Đăng ký dự tuyển và trúng tuyển			Kết quả điểm						Điểm cộng ưu tiên
					Vị trí việc làm	Phòng đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Cơ quan đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Tổng số điểm (cột 10+11+15)	Kiểm thức chung (h.số 1)	Viết chuyên ngành (h.số 2)	Trắc nghiệm CN (h.số 1)	Ngoại ngữ	Tin học	
1	2	3	4	5	6	7	8	9,00	10,00	11,00	12	13	14	15
61	AG0974	Nguyễn Thị Hồng	Phương	27/02/1990	Trợ giúp pháp lý; phổ cập theo dõi thi hành pháp luật; văn thư	Phòng Tư pháp	Huyện Tịnh Biên	310,00	95,00	65,00	85,00	67,50	85,00	
62	AG1061	Nguyễn Tiến	Dũng	02/04/1989	Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Huyện Tịnh Biên	310,50	90,00	64,00	92,50	77,50	90,00	
63	AG0523	La Thái	Bình	06/10/1991	Quản lý nông nghiệp (chăn nuôi)	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Huyện Tri Tôn	242,50	65,00	50,00	77,50	62,50	82,50	
64	AG0241	Nguyễn Thanh	Vinh	24/11/1993	Quản trị công sở	Văn phòng HĐND và UBND	Thành phố Châu Đốc	349,50	93,00	82,00	92,50	70,00	80,00	
65	AG0444	Nguyễn Anh	Kiệt	19/08/1991	Quản lý đội ngũ	Phòng Nội vụ	Thành phố Châu Đốc	305,00	82,00	69,00	85,00	72,50	80,00	
66	AG0630	Lý Thị Kim	Phương	20/03/1989	Quản lý Tài chính ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Thành phố Châu Đốc	353,50	97,00	82,00	92,50	55,00	90,00	
67	AG0653	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	04/04/1994	Quản lý Tài chính ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Thành phố Châu Đốc	352,50	94,00	83,00	92,50	72,50	87,50	
68	AG0737	Trần Phong	Nhã	17/03/1981	Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Thành phố Châu Đốc	212,00	52,00	50,00	60,00	57,50	85,00	
69	AG0820	Huỳnh Thị	Hằng	30/04/1984	Giải quyết khiếu nại tố cáo	Văn phòng HĐND và UBND	Thành phố Châu Đốc	223,20	63,20	50,00	60,00	62,50	82,50	

TT	SỐ BÁO DANH	Họ	Tên	Ngày sinh	Đăng ký dự tuyển và trúng tuyển			Kết quả điểm						Điểm cộng ưu tiên
					Vị trí việc làm	Phòng đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Cơ quan đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Tổng số điểm (cột 10+11+15)	Kiểm thức chung (h.số 1)	Viết chuyên ngành (h.số 2)	Trắc nghiệm CN (h.số 1)	Ngoại ngữ	Tin học	
1	2	3	4	5	6	7	8	9,00	10,00	11,00	12	13	14	15
70	AG0830	Ngô Phát	Huy	20/06/1981	Giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra	Thành phố Châu Đốc	286,50	65,00	72,00	77,50	52,50	80,00	
71	AG0847	Huỳnh Thị Ngọc	Lĩnh	06/01/1994	Thanh tra kinh tế - xã hội	Thanh tra	Thành phố Châu Đốc	266,50	76,00	54,00	82,50	50,00	85,00	
72	AG0971	Khúc Thị Thúy	Nhi	13/04/1991	Chứng thực, Hành chính tư pháp	Phòng Tư pháp	Thành phố Châu Đốc	347,50	80,00	90,00	87,50	62,50	80,00	
73	AG1043	Nguyễn Phan Diễm	Thúy	13/05/1990	Quản lý Văn thư- lưu trữ, kiểm kê toán đơn vị	Phòng Nội vụ	Thành phố Châu Đốc	352,00	90,00	96,00	70,00	82,50	80,00	2
74	AG0089	Trần Thị Phương	Thào	03/04/1989	Quản lý thương mại	Phòng Kinh tế	Thành phố Long Xuyên	309,00	91,00	74,00	70,00	70,00	87,50	
75	AG0299	Huỳnh Hữu	Trung	24/09/1993	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Thành phố Long Xuyên	336,00	94,00	76,00	90,00	65,00	90,00	
76	AG0387	Trần Thị Nguyệt	Minh	07/08/1987	Lễ tân, đối ngoại	Văn phòng HĐND và UBND	Thành phố Long Xuyên	365,50	95,00	99,00	72,50	Miễn	90,00	
77	AG0621	Trần Thị Cẩm	Nhung	10/12/1990	Kế toán	Phòng Quản lý đô thị	Thành phố Long Xuyên	278,00	95,00	64,00	55,00	72,50	87,50	
78	AG0805	Tô Trần Định	Đức	01/09/1993	Giải quyết khiếu nại tố cáo	Văn phòng HĐND và UBND	Thành phố Long Xuyên	304,00	80,00	67,00	90,00	57,50	62,50	

TT	SỐ BÁO DANH	Họ	Tên	Ngày sinh	Đăng ký dự tuyển và trúng tuyển			Kết quả điểm						Điểm cộng ưu tiên
					Vị trí việc làm	Phòng đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Cơ quan đăng ký dự tuyển và trúng tuyển	Tổng số điểm (cột 10+11+15)	Kiểm thức chung (h.số 1)	Viết chuyên ngành (h.số 2)	Trắc nghiệm CN (h.số 1)	Ngoại ngữ	Tin học	
1	2	3	4	5	6	7	8	9,00	10,00	11,00	12	13	14	15
79	AG0975	Trần Thị	Quyên	09/10/1990	Hành chính Tư pháp	Phòng Tư pháp	Thành phố Long Xuyên	301,00	91,00	70,00	70,00	70,00	82,50	
80	AG0154	Võ Thị Trúc	Giang	02/10/1984	Hành chính tổng hợp	Văn phòng HĐND và UBND	Thị xã Tân Châu	265,00	83,00	51,00	80,00	82,50	77,50	
81	AG0491	Trương Thị Dạ	Thùy	24/05/1995	Phụ trách công tác thanh niên	Phòng Nội vụ	Thị xã Tân Châu	257,50	50,00	70,00	67,50	50,00	87,50	
82	AG0803	Chau Hoàng	Đơ	08/05/1994	Thanh tra hành chính	Thanh tra	Thị xã Tân Châu	296,50	80,00	62,00	72,50	95,1	80,00	20